

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

08-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	08.01.01	Toán	16.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
2	08.01.02	Toán	17.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
3	08.01.03	Toán	29.000	Nhất	12	THPT Chuyên Bắc Giang
4	08.01.04	Toán	26.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
5	08.01.05	Toán	30.000	Nhất	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
6	08.01.07	Toán	22.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
7	08.01.08	Toán	15.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
8	08.01.06	Toán	17.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
9	08.01.09	Toán	22.500	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
10	08.01.10	Toán	28.000	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
11	08.01.11	Toán	21.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
12	08.01.12	Toán	22.000	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
13	08.01.13	Toán	18.000	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
14	08.01.14	Toán	23.000	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
15	08.01.15	Toán	25.500	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
16	08.01.16	Toán	16.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
17	08.01.17	Toán	22.000	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
18	08.01.18	Toán	14.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
19	08.01.19	Toán	22.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
20	08.01.20	Toán	19.000	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
21	08.02.01	Vật lí	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
22	08.02.02	Vật lí	22.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
23	08.02.03	Vật lí	23.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
24	08.02.04	Vật lí	23.250	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
25	08.02.05	Vật lí	17.750	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
26	08.02.06	Vật lí	15.000	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
27	08.02.07	Vật lí	21.750	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
28	08.02.08	Vật lí	13.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

08-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	08.02.09	Vật lí	19.750	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
30	08.02.10	Vật lí	27.250	Nhất	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
31	08.02.11	Vật lí	14.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
32	08.02.12	Vật lí	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
33	08.02.13	Vật lí	24.750	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
34	08.02.14	Vật lí	18.000	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
35	08.02.15	Vật lí	17.000	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
36	08.02.16	Vật lí	25.750	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
37	08.02.17	Vật lí	21.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
38	08.02.18	Vật lí	16.250	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
39	08.02.19	Vật lí	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
40	08.03.01	Hoá học	18.625	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
41	08.03.02	Hoá học	16.375	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
42	08.03.03	Hoá học	24.125	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
43	08.03.04	Hoá học	19.875	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
44	08.03.05	Hoá học	16.125	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
45	08.03.06	Hoá học	16.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
46	08.03.07	Hoá học	21.250	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
47	08.03.08	Hoá học	19.250	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
48	08.03.09	Hoá học	18.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
49	08.03.10	Hoá học	23.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
50	08.03.11	Hoá học	18.750	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
51	08.03.12	Hoá học	16.875	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
52	08.03.13	Hoá học	25.125	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
53	08.03.14	Hoá học	22.375	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
54	08.03.16	Hoá học	24.875	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
55	08.03.17	Hoá học	26.125	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
56	08.03.18	Hoá học	23.750	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

08-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	08.03.19	Hoá học	17.125	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
58	08.03.20	Hoá học	20.750	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
59	08.04.02	Sinh học	25.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
60	08.04.04	Sinh học	26.750	Nhất	12	THPT Chuyên Bắc Giang
61	08.04.05	Sinh học	22.250	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
62	08.04.08	Sinh học	25.000	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
63	08.04.09	Sinh học	22.500	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
64	08.04.06	Sinh học	26.250	Nhất	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
65	08.04.11	Sinh học	22.000	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
66	08.04.10	Sinh học	21.750	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
67	08.04.12	Sinh học	22.250	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
68	08.04.13	Sinh học	22.500	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
69	08.04.14	Sinh học	20.750	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
70	08.04.15	Sinh học	21.500	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
71	08.04.17	Sinh học	19.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
72	08.04.18	Sinh học	21.500	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
73	08.04.20	Sinh học	23.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
74	08.04.19	Sinh học	23.250	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
75	08.05.01	Tin học	15.169	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
76	08.05.03	Tin học	15.210	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
77	08.05.04	Tin học	24.320	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
78	08.05.06	Tin học	20.586	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
79	08.05.07	Tin học	19.920	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
80	08.05.08	Tin học	15.090	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
81	08.05.09	Tin học	17.410	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
82	08.05.10	Tin học	16.330	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
83	08.05.11	Tin học	26.360	Nhất	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
84	08.05.12	Tin học	15.110	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

08-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
85	08.05.13	Tin học	19.130	Ba	10	THPT Chuyên Bắc Ninh
86	08.05.14	Tin học	21.567	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
87	08.05.15	Tin học	19.090	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
88	08.05.16	Tin học	21.140	Nhì	12	THPT Sơn Động số 1
89	08.05.17	Tin học	22.380	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
90	08.05.18	Tin học	18.823	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
91	08.05.20	Tin học	14.930	K.Khích	10	THPT Chuyên Bắc Ninh
92	08.05.19	Tin học	18.450	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
93	08.06.02	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
94	08.06.03	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
95	08.06.04	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
96	08.06.05	Ngữ văn	13.250	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
97	08.06.06	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
98	08.06.09	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
99	08.06.10	Ngữ văn	13.500	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
100	08.06.11	Ngữ văn	14.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
101	08.06.12	Ngữ văn	14.250	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
102	08.06.13	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
103	08.06.14	Ngữ văn	13.250	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
104	08.06.16	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
105	08.06.17	Ngữ văn	15.000	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
106	08.06.18	Ngữ văn	14.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
107	08.06.19	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
108	08.06.20	Ngữ văn	13.500	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
109	08.07.01	Lịch sử	14.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
110	08.07.02	Lịch sử	15.750	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
111	08.07.03	Lịch sử	16.000	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
112	08.07.04	Lịch sử	15.250	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

08-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
113	08.07.05	Lịch sử	15.750	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
114	08.07.06	Lịch sử	17.500	Nhất	11	THPT Chuyên Bắc Giang
115	08.07.07	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
116	08.07.08	Lịch sử	17.000	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
117	08.07.10	Lịch sử	16.500	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
118	08.07.12	Lịch sử	17.250	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
119	08.07.13	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
120	08.07.14	Lịch sử	15.500	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
121	08.07.15	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
122	08.07.16	Lịch sử	14.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
123	08.07.17	Lịch sử	17.250	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
124	08.07.20	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
125	08.08.01	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
126	08.08.02	Địa lí	13.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
127	08.08.03	Địa lí	13.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
128	08.08.04	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
129	08.08.05	Địa lí	14.750	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
130	08.08.06	Địa lí	15.250	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
131	08.08.07	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
132	08.08.08	Địa lí	14.250	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
133	08.08.10	Địa lí	15.250	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
134	08.08.11	Địa lí	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
135	08.08.13	Địa lí	15.250	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
136	08.08.15	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
137	08.08.17	Địa lí	13.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
138	08.08.18	Địa lí	16.250	Nhất	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
139	08.08.19	Địa lí	13.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
140	08.08.20	Địa lí	16.250	Nhất	12	THPT Chuyên Bắc Ninh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

08-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	----------------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 140 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

08-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	08.09.01	Tiếng Anh	3.80	3.70	5.10	1.10	13.700	Ba	THPT Chuyên Bắc Ninh
2	08.09.02	Tiếng Anh	3.40	3.90	5.40	1.20	13.900	Ba	THPT Chuyên Bắc Ninh
3	08.09.04	Tiếng Anh	4	4.30	5.20	1.20	14.700	Nhì	THPT Chuyên Bắc Ninh
4	08.09.06	Tiếng Anh	3.70	3.80	5.40	1.70	14.600	Nhì	THPT Chuyên Bắc Ninh
5	08.09.07	Tiếng Anh	3.80	4.30	6.10	1.40	15.600	Nhất	THPT Chuyên Bắc Giang
6	08.09.09	Tiếng Anh	3.10	4.30	5.80	1.70	14.900	Nhì	THPT Chuyên Bắc Giang
7	08.09.15	Tiếng Anh	4	4.40	5.40	1.30	15.100	Nhì	THPT Chuyên Bắc Ninh
8	08.09.16	Tiếng Anh	3.60	4	5.60	1.20	14.400	Ba	THPT Chuyên Bắc Giang
9	08.09.17	Tiếng Anh	3.70	4.30	5.90	1.10	15.000	Nhì	THPT Chuyên Bắc Ninh
10	08.09.18	Tiếng Anh	4	4.50	5.50	1.30	15.300	Nhì	THPT Chuyên Bắc Ninh
11	08.09.19	Tiếng Anh	3.20	3.40	5.10	1.50	13.200	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
12	08.09.20	Tiếng Anh	3.50	3.50	5.70	1.10	13.800	Ba	THPT Chuyên Bắc Giang
13	08.11.03	Tiếng Pháp	4.60	2.75	2.20	1.5	11.050	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
14	08.11.10	Tiếng Pháp	5.75	1.25	2.50	1.3	10.800	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
15	08.11.13	Tiếng Pháp	6.35	2.25	2.20	1.55	12.350	Ba	THPT Chuyên Bắc Giang
16	08.11.17	Tiếng Pháp	5.70	1.75	3.40	1.4	12.250	Ba	THPT Chuyên Bắc Giang
17	08.12.01	Tiếng Trung	2.75	3.75	5.95	1.15	13.600	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
18	08.12.02	Tiếng Trung	3.45	3.20	5.35	1.35	13.350	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Ninh
19	08.12.03	Tiếng Trung	3.30	3.70	6.05	1.35	14.400	Ba	THPT Chuyên Bắc Ninh
20	08.12.04	Tiếng Trung	2.30	3.45	6.20	1.2	13.150	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
21	08.12.05	Tiếng Trung	3.50	3.40	5.45	1.6	13.950	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Ninh
22	08.12.06	Tiếng Trung	3.45	3.25	5.90	1.35	13.950	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
23	08.12.07	Tiếng Trung	2.75	3.85	5.45	1.25	13.300	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Ninh
24	08.12.08	Tiếng Trung	3.15	3.20	5.90	1.3	13.550	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
25	08.12.09	Tiếng Trung	2.65	3.60	6.40	1.35	14.000	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
26	08.12.10	Tiếng Trung	3.35	3.30	6.10	1.6	14.350	Ba	THPT Chuyên Bắc Ninh
27	08.12.11	Tiếng Trung	3.85	3.65	6.55	1.45	15.500	Nhì	THPT Chuyên Bắc Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

08-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
28	08.12.12	Tiếng Trung	2.95	3.30	6.15	1.5	13.900	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
29	08.12.14	Tiếng Trung	3.40	3.30	5.85	1.45	14.000	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
30	08.12.15	Tiếng Trung	3.40	2.75	5.95	1.3	13.400	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
31	08.12.16	Tiếng Trung	3.50	4.40	6.65	1.35	15.900	Nhì	THPT Chuyên Bắc Ninh
32	08.12.18	Tiếng Trung	2.55	3.25	5.70	1.25	12.750	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
33	08.12.20	Tiếng Trung	3.55	2.30	6.15	1.4	13.400	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang
34	08.13.20	Tiếng Nhật	3.50	3	3	1.65	11.150	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Giang

Danh sách này gồm 34 thí sinh